TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 24/4/2025
"*V/v tranh chấp kiện đòi tiền, vàng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.
2. Ông Nguyễn Văn Thám.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A***: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công đối với vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-DS ngày 02/12/2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi nợ tiền, vàng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phan Thị N, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 35 Quang Trung, Tổ 4, phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng bên nguyên đơn*: ông Nguyễn Việt L; Địa chỉ: số 35 Quang Trung, Tổ 4, phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông L vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Châu Thị Bảo V, sinh năm: 1976 và ông Văn Xuân D, sinh năm: 1972; Địa chỉ: số 705 Quang Trung, Tổ 2, phường K, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà V có mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày*:* Tôi và bà V trước đây là đồng nghiệp dạy cùng trường THCS xã Song An nay là trường Mai Xuân Thưởng. Tôi có cho bà V và chồng là ông Văn Xuân D mượn tiền và vàng theo 03 giấy nhận nợ, cụ thể; Theo giấy mượn tiền đề ngày 20/7/2009 âm lịch, tôi có cho bà V ông D mượn 80.000.000đ; Theo giấy mượn tiền dề ngày 14/11/2006 âm lịch tôi có cho bà V, ông D mượn 01 cây vàng loại vàng Y (9999); Theo giấy mượn tiền ngày 29.9.2008 dương lịch tôi cho bà V,

ông D mượn 20.000.000đ. Nay bị đơn ông D, bà V chưa trả nợ cho tôi, Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Châu Thị Bảo V và ông Văn Xuân D phải trả lại cho tôi số tiền nợ 100.000.000đ và 01 cây vàng Y 9999 trị giá hiện nay là 84.000.000đ.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn Phan Thị N giao nộp chứng cứ là 03 "Giấy mượn tiền", và 01 giấy mượn vàng có chữ ký tên người mượn là ông Văn Xuân D, bà Châu Thị Bảo V (Trong đó giấy mượn tiền, vàng đề ngày 29/9/08 âm lịch ghi gộp 02 giấy mượn tiền và 01 giấy mượn vàng thành mượn 100.000.000đ và 01 cây vàng Y 9999).

Ông Nguyễn Việt L không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn bà Châu Thị Bảo V trong bản khai ngày 10/02/2025 và lời khai trong phiên hòa giải ngày 14/02/2025 và tại phiên tòa hôm nay trình bày: Tôi và cô N là đồng nghiệp nên có quan hệ quên biết, vợ chồng tôi có vay cô N nhiều lần tiền để làm ăn.

Năm 2006, vợ chồng tôi có vay cô N 80.000.000đ, với lãi suất 3%/tháng khi vay có viết "Giấy mượn tiền" như cô N cung cấp. Tôi đã trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận. Năm 2006 vợ chồng tôi có mượn cô N 01 cây vàng Y 9999 và có viết giấy mượn vàng đề ngày 14/11/2006 âm lịch nhằm ngày 02/01/2007 dương lịch. Năm 2008 vợ chồng tôi có mượn cô N thêm 20.000.000đ và có viết "Giấy mượn tiền" đề ngày 29/9/2008 dương lịch. Cô N yêu cầu vợ chồng tôi viết giấy gộp vào các khoản tiền mượn và vàng mà vợ chồng tôi đã mượn cô N, nên vợ chồng tôi viết lại "Giấy mượn tiền, vàng" cho cô N trong đó số tiền mượn là 100.000.000đ và số vàng mượn là 01 cây vàng 9999.

Tôi và chồng đã trả cho cô N 20.000.000đ từ thời gian 29/9/2008 tới tháng 12 năm 2008 như cam kết, sau đó tiếp tục trả dần hàng tháng mỗi tháng 5.000.000đ trả đến ngày 30/12/2009 dương lịch, tổng số tiền tôi trả cho cô N là 80.000.000đ. Có lần tôi xuống nhà cô N trả cho cô N 02 chỉ vàng, lần thứ hai tôi trả cô N 02 chỉ vàng nữa, sau đó vì vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ nên cô N có đến trường Trưng Vương nơi tôi công tác quậy đòi nợ làm tôi bị stress, tôi phải nghỉ dạy 01tháng rưỡi. Sau đó một tháng chồng tôi có đến nhà cô N thỏa thuận việc trả nợ, tôi không nhớ chồng tôi trả cô N bao nhiêu tiền.

Nay tôi chỉ đồng ý trả cô N 20.000.000đ còn lại và 06 chỉ vàng 9999, theo phương án mỗi tháng trả dần 01 triệu cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Văn Xuân D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã thông báo thụ lý, triệu tập thông báo nhiều lần đến để Hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng không đến nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A kết luận và đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N, buộc bà Châu Thị Bảo V, ông Văn Xuân D phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị N số tiền còn nợ là 100.000.000đ và 01 cây vàng 9999.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày, ý kiến tranh luận của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến kết luậnj đề xuất hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Phan Thị N yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Châu Thị Bảo V và ông Văn Xuân D có địa chỉ cư trú Tổ 2, phường Kú, thị xã A, tỉnh Gia Lai, phải trả lại tiền, vàng còn nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu trả nợ tiền, vàng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng bên nguyên đơn ông Đỗ Việt Lạc, bị đơn ông D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, do vậy HĐXX xét xử vắng mặt ông D, ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về giao dịch xác lập thời điểm năm 2006 và 2009, theo chứng cứ là: "Giấy mượn tiền, vàng" mà hai bên xác lập 29/9/2008; thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2005 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 để giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn chỉ kiện đòi lại tài sản là tiền, vàng nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp: Phan Thị N yêu cầu bị đơn bà Châu Thị Bảo V và ông Văn Xuân Dphải trả lại cho Phan Thị N số tiền, vàng mà bà V, ông D vay đến nay chưa trả. Phan Thị N xuất trình chứng cứ trong đó có 03 giấy mượn tiền và 01 giấy mượn vàng, trong đó có "Giấy mượn tiền" đề ngày 29/9/08 (2008) là giấy viết gộp lại các khoản mượn tiền 20.000.000đ trong "Giấy mượn tiền" ngày 29.9.2008 và khoản tiền 80.000.000đ của "Giấy mượn tiền" ngày 20 tháng 7 năm 2006 âm lịch với "Giấy mượn vàng" đề ngày 14.11.2006 âm lịch, viết lại thành "Giấy mượn tiền, vàng" với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và 01 (Một) cây vàng Y 9999.

Tại phiên tòa bà Châu Thị Bảo V thừa nhận vợ chồng bà có vay và có viết giấy vay 100.000.000đ và 01 cây vàng cho Phan Thị N như Phan Thị N cung cấp. Đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Tại phiên tòa Phan Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà V, ông D phải trả cho Phan Thị N số tiền còn nợ là 100.000.000đ và 01 cây vàng Y 9999 mà bà V, ông D còn nợ.

Bà V cho rằng bà và người nhà đã trả cho Phan Thị N hết số tiền và số vàng nợ cho Phan Thị N. Lời khai này không được Phan Thị N thừa nhận. Lời khai này của bà V cũng mâu thuẫn với chính lời khai của bà V trong phiên hòa giải rằng "nay tôi chỉ đồng ý trả cô N 20.000.000đ còn lại và 06 chỉ vàng 9999, theo phương án mỗi tháng trả dần 01 triệu cho đến khi hết nợ".

Bà V không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh rằng bà, ông D và người nhà của bà đã trả hết số tiền 100.000.000đ và 01 cây vàng Y

9999 cho Phan Thị N như lời khai của mình tại Tòa. Bà V thừa nhận là từ năm 2010 đến nay Phan Thị N đã đòi nợ bà V nhiều lần nhưng bà V không trả. Lý do không trả theo bà V khai tại phiên tòa rằng: bà V tưởng gia đình bà đã trả hết nợ cho Phan Thị N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn thừa nhận có vay số tiền, vàng Y 9999 của Phan Thị N, khi vay có viết "Giấy mượn tiền, vàng", bà V cũng thừa nhận chứng cứ Phan Thị N cung cấp chính là do vợ, chồng bà V viết, tuy nhiên bà V cho rằng bà và người gia đình đã trả hết nợ cho Phan Thị N mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả nợ cho Phan Thị N, nên lời khai bà V không có cơ sở để chấp nhận.

Do vậy, nay Phan Thị N khởi kiện yêu cầu bà V, ông D phải trả cho Phan Thị N số tiền 100.000.000đ và 01 cây vàng Y 9999 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Phan Thị N không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn bà V, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận tính trên số tiền và giá trị 01 cây vàng Y 9999 tại thời điểm hiện nay, án phí tính được là (100.000.000đ + giá trị 1 cây vàng Y 9999 là 110.000.000đ x 5%) = 10.500.000đ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 256, 280, 281, 289, 290 BLDS 2005; Điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 155, điểm b khoản 1 Điều 157, Điều 164, khoản 1 Điều 275, các Điều 278, 279, 280, Điều 357 BLDS 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N:

- Buộc vợ chồng bà Châu Thị Bảo V và ông Văn Xuân D phải trả cho bà Phan Thị N số tiền nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc vợ chồng bà Châu Thị Bảo V và ông Văn Xuân D phải trả cho bà Phan Thị N 01 (Một) cây vàng Y 9999.

2. Về án phí: Buộc Châu Thị Bảo V, ông Văn Xuân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn với số tiền tạm ứng án phí là 4.600.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013328 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (24/4/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo 15 ngày của đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thám **Nguyễn Thị Hồng Oanh** **Lê Long Sơn**